

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HC-ST

Ngày: 09-6-2025

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Khắc Thái

2. Ông Nguyễn Thiện Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phụng Anh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HC ngày 21 tháng 12 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2025/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2623/2025/QĐST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Phan Đức C, sinh năm: 1966; địa chỉ: G T, Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Phan Đức C: Bà Phan Thị Mỹ L, sinh năm: 1993; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 7 năm 2024). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Phan Đức C: Ông Quý H, Luật sư Văn phòng L3 (thuộc Đoàn luật sư thành phố H), địa chỉ: A T, phường P, quận T, thành phố H, có mặt.

- Ông Phan Đức P, sinh năm: 1977; địa chỉ: Khu phố E, phường A, thị xã K,

tỉnh Long An. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố H; địa chỉ: Tỉnh lộ 10C, thị trấn P, huyện P, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Trần Thanh L1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn C1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 8 năm 2025), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân quận T, thành phố H); địa chỉ: B T, phường X, quận T, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Đình B, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Duy T, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân quận T là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 4 năm 2025), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Phan Đức H1, sinh năm: 1960; địa chỉ: G T, Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Đức H1: Ông Phan Đức H2, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2024), có mặt.

- Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1967; địa chỉ: G T, Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Phan Thị M, sinh năm: 1962, địa chỉ: 1 kiệt F T, phường T, quận T, thành phố H, có mặt.

- Bà Phan Thị H3, sinh năm: 1957 và Phan Thị T2, sinh năm: 1971, cùng địa chỉ: E Rightwood way S, CA 95823 Hoa Kỳ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023, các bản tự khai của người khởi kiện ông Phan Đức C, Phan Đức P và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đức C là bà Phan Thị Mỹ L trình bày:

Ông Phan L2 và bà Nguyễn Thị T3 (bố mẹ ruột của ông Phan Đức C, Phan Đức P và Phan Đức H1) đã để lại thừa đất 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H). Từ năm 1993 đến nay, ông Phan Đức C đã sinh sống ổn định, xây dựng nhà ở trên thừa đất có diện tích 287,9 m², đã được xây dựng hàng rào, có ranh giới, mốc giới rõ ràng và đã được cấp sổ nhà cổ

định. Thửa đất của ông Phan Đức P có diện tích 98,1 m² đã được xây dựng hàng rào, có ranh giới, mốc giới rõ ràng.

Khoảng tháng 4 năm 2023, ông Phan Đức C, Phan Đức P mới phát hiện vợ chồng ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1, trú tại G T, Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Q483293 vào ngày 12/02/2004 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H).

Sau đó, ông C đã có đơn đề nghị giải quyết việc tranh chấp đất đai gửi đến Ủy ban nhân dân phường T. Ngày 22/5/2023, Ủy ban nhân dân phường T đã mời các bên lên để hòa giải. Tại buổi hòa giải, ông Phan Đức H1 đồng ý tách thửa cho ông C và ông P và thống nhất xin đo đạc, cấp đổi lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để bổ sung ông C, ông P được đứng tên trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng bà Trần Thị T1 (vợ của ông Phan Đức H1) không đồng ý bổ sung ông C, ông P được đứng tên trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên buổi hòa giải không thành.

Vì vậy, ông Phan Đức C và ông Phan Đức P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483293 ngày 12/02/2004 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H).

Tại Công văn số 1285/UBND-TNMT ngày 08/08/2024, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện P trình bày ý kiến như sau:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) do ông, bà Phan L2, Nguyễn Thị T3 (bố mẹ ông Phan Đức C, ông Phan Đức P, ông Phan Đức H1) tạo lập và xây dựng nhà ở trước năm 1979. Đến năm 1979 ông L2, bà T3 và các anh em ông H1 (gồm ông Phan Đức C, ông Phan Đức P, bà Phan Thị H3, bà Phan Thị M, bà Phan Thị T2) vào tỉnh Phú Yên sinh sống, riêng chỉ có ông H1 ở lại giữ nhà và đất. Khi ông L2, bà T3 giao nhà và đất cho ông H1 chỉ bằng miệng, không có giấy tờ. Đến năm 1980, ông H1 đi cải tạo và giao đất và nhà ở lại cho ông Phan Đức V (con bác ruột) sử dụng trông coi. Đến năm 1983, ông H1 trở về địa phương và sống trong ngôi nhà của ông L2, bà T3.

Năm 1986, ông H1 kết hôn với bà T1 và tiếp tục ở lại thửa đất. Đến năm 1987, ông L2 trở về quê và sống chung với vợ chồng ông H1 tại thửa đất và nhà trước đây ông L2, bà T3 tại lập nói trên. Đến khoảng năm 1992-1993, ông C xây dựng thêm 01 ngôi nhà trên thửa đất của ông L2, bà T3 tạo lập nói trên để ở. Đến năm 1993, ông L2 chết, ông H1, ông C tiếp tục sử dụng. Thực tế hiện trạng trên thửa đất đã chia thành 03 phần và đã xây dựng tường rào, ranh giới mốc giới rõ ràng. Riêng phần diện tích đất của ông Phan Đức P chưa xây dựng nhà ở.

Qua kiểm tra, UBND huyện nhận thấy: Việc ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại thửa đất số 307, tờ bản

đồ số 16, diện tích 789.3 m² có nguồn gốc do canh tác từ năm 1983 là không đúng nguồn gốc sử dụng đất, không đúng diện tích đất thực tế mà ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 sử dụng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận. Nhưng, do hiện nay Thị trấn T đã sáp nhập thành phố H (nay là quận T) theo Nghị Quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai năm 2024 không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện P.

Do đó, việc ông Phan Đức C, ông Phan Đức P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 483923, UBND huyện P cấp ngày 12/02/2004 cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) là có căn cứ, cơ sở để xem xét giải quyết.

Tại Công văn số 7889/UBND-KNTC ngày 19/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố H (nay là UBND quận T) trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483923 do UBND huyện P cấp ngày 12/02/2004 cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) nên Ủy ban nhân dân thành phố H (nay là UBND quận T) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Huế căn cứ vào hồ sơ vụ án để giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Đức H1 là ông Phan Đức H2 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) là do ông Phan L2 và bà Nguyễn Thị T3 (bố mẹ ông Phan Đức C, ông Phan Đức P, ông Phan Đức H1, bà Phan Thị H3, bà Phan Thị M, bà Phan Thị T2) tạo lập từ năm 1968, đến năm 1979 thì ông L2, bà T3 đưa cả gia đình vào N (gồm ông Phan Đức C, ông Phan Đức P, bà Phan Thị H3, bà Phan Thị M, bà Phan Thị T2) đi kinh tế mới ở Phú Yên để lập nghiệp và sinh sống ổn định. Thửa đất trên được giao lại cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 quản lý sử dụng. Đến năm 1981, bà Nguyễn Thị T3 mất tại Phú Yên. Đến năm 1987, do tuổi già không còn sức lao động nên ông Phan L2 về sống với ông H1, bà T1 tại thửa đất nói trên. Đến năm 1993, ông Phan L2 mất. Trước khi mất, ông Phan L2 đã thống nhất chia thửa đất cho ba người con trai là ông Phan Đức C, ông Phan Đức P và ông Phan Đức H1, có sự đồng ý của 03 người con gái là bà Phan Thị H3, bà Phan Thị M, bà Phan Thị T2. Hiện nay, các phần đất đã được sử dụng ổn định và đã xây dựng hàng rào. Năm 2004, ông Phan Đức H1 và bà Trần Thị T1 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, ông H1, bà T1 xây nhà như hiện nay. Tuy nhiên, khi cấp giấy thì Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp luôn phần đất của ông Phan Đức C và ông Phan Đức P vào phần đất của ông Phan Đức H1 và bà Trần Thị T1. Diện tích đất mà gia đình ông H1 đang sử dụng theo hiện trạng như hiện nay khoảng hơn 400m².

Về yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức C và ông Phan Đức P: Ông H2 đề nghị Tòa án cho các bên được thương lượng theo hướng ông Phan Đức H1 và bà Trần Thị T1 lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, sau đó tách phần đất của ông H1, bà T1 thành một thửa, phần đất còn lại của ông C và ông P thành một thửa riêng. Trường hợp người khởi kiện không đồng ý phương án mà gia đình ông H2 nêu ra thì ông cũng đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận đã cấp nếu có căn cứ cho rằng việc cấp giấy là có sai sót.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phan Đức H2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H3, bà Phan Thị M, bà Phan Thị T2 thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phan Đức C và ông Phan Đức P.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy: Thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện P tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố H) đứng tên ông Phan Đức H1 và bà Trần Thị T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483923 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 12/02/2004. Hiện trạng thửa đất được chia thành 03 thửa: Thửa thứ nhất có nhà ở của ông Phan Đức H1 và bà Trần Thị T1, trên đất có một công trình lò nước đá và kho gas. Thửa đất thứ hai có nhà ở của ông Phan Đức C. Thửa thứ ba của ông Phan Đức P, trên đất chưa có nhà ở. Ranh giới của ba thửa đất đã được xây dựng tường rào, mốc giới, ranh giới rõ ràng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đức C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483923 do UBND huyện P cấp ngày 12/02/2004 cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành việc tuân theo pháp luật về thụ lý vụ án hành chính; tổ chức đối thoại giữa các đương sự được quy định tại Điều 20; Điều 38; Điều 125; Điều 126; từ Điều 130 đến Điều 140; Điều 146; Điều 147 Luật tố tụng Hành chính đảm bảo đúng pháp luật. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ đảm bảo. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 41, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 167, Điều 169 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức C, Phan Đức P. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483923, do UBND huyện P cấp ngày

12/02/2004 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1; Về chi phí tố tụng người khởi kiện tự nguyện chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; Án phí người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến trình bày, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục phiên tòa và sự tham gia của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại giữa người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Kết quả đối thoại các bên đương sự tham gia không đầy đủ nên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 157, Điều 158 và Điều 168 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483923 do UBND huyện P cấp ngày 12/02/2004 cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H). Đây là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 31, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483923 do UBND huyện P cấp ngày 12/02/2004 cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H). Sau khi biết được Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1, ông Phan Đức C đã có đơn đề nghị giải quyết việc tranh chấp đất đai gửi đến Ủy ban nhân dân phường T. Ngày 22/5/2023, Ủy ban nhân dân phường T đã mời các bên đương sự lên để hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau về phương án giải quyết. Ngày 13/11/2023 ông Phan Đức C và ông Phan Đức P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483293 ngày 12/02/2004 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của người khởi kiện:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483293 ngày 12/02/2004 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức P và Phan Đức C về việc đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q483293 ngày 12/02/2004 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789m² tọa lạc tại thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) do ông Phan L2 và bà Nguyễn Thị T3 tạo lập; bà Nguyễn Thị T3 chết năm 1981, ông Phan L2 chết năm 1993, không để lại di chúc. Ông L2 và bà T3 có 06 người con gồm: Phan Thị H3, Phan Đức H1, Phan Đức C, Phan Thị T4, Phan Đức P, Phan Thị M. Tuy nhiên trước khi mất ông L2 cùng tất cả các người con thống nhất chia thửa đất cho 03 người con trai là ông Phan Đức H1, Phan Đức C và Phan Đức P. Thể hiện là từ năm 1993 đến nay, ông Phan Đức C đã sinh sống ổn định, xây dựng nhà ở trên diện tích đất 287,9m²; thửa đất của ông Phan Đức P có diện tích 98,1m²; diện tích đất của gia đình ông Phan Đức H1 và bà Trần Thị T1 đang sử dụng theo hiện trạng khoảng hơn 400m². Các phần đất trên đã được sử dụng ổn định và đã xây dựng hàng rào, mốc giới, ranh giới rõ ràng, được thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2025.

Tại công văn số 1285/UBND-TNMT ngày 08/08/2024, Ủy ban nhân dân huyện P cho biết: Việc ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789,3m² có nguồn gốc do canh tác từ năm 1983 là không đúng nguồn gốc sử dụng đất, không đúng diện tích đất thực tế mà ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 sử dụng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng, do hiện nay Thị trấn T đã sáp nhập thành phố H (nay là quận T) theo Nghị Quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai năm 2024 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện P. Việc ông Phan Đức C, Phan Đức P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là có căn cứ.

Từ các căn cứ trên cho thấy, việc ông Phan Đức H1 và bà Trần Thị T1 đã không trung thực trong việc kê khai nguồn gốc và phần diện tích đất cần được cấp giấy chứng nhận nên ông Phan Đức C và ông Phan Đức P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 483923, do Ủy

ban nhân dân huyện P cấp ngày 12/02/2004 cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại TDP H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H) là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[3]. **Về chi phí tố tụng:** Người khởi kiện tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

[4]. **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện ông Phan Đức C, Phan Đức P không phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, người bị kiện phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, 2 Điều 158, Điều 164, Điều 176, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, Điều 359 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức C, ông Phan Đức P.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 483923, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 12/02/2004 cho ông Phan Đức H1, bà Trần Thị T1 tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 16, diện tích 789 m², tọa lạc tại Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố H, phường T, quận T, thành phố H).

2. Về chi phí tố tụng: Người khởi kiện tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

3. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho ông Phan Đức C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000085 ngày 20/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); Hoàn trả lại cho ông Phan Đức P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000086 ngày 20/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H);

- Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND TP Huế;
- Cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu VP THC;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào Vi